TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 246/2024/DS-PT
Ngày 03-4-2024
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Ngọc Dũng

Các Thẩm phán: Ông Phan Thanh Tòng

Bà Nguyễn Thị Rẻn

- Thư ký phiên tòa: Ông Võ Tấn Vũ - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 25/2024/TLPT-DS ngày 22/01/2024 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 159/2023/DS-ST ngày 29/9/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 632/2024/QĐ-PT ngày 20/02/2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Lê Văn V, sinh năm 1998

Địa chỉ: Số nhà A, B, Phường F, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Lê Minh T, sinh năm 1995

Địa chỉ: Số nhà A, ấp B, xã B, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

2. Bị đơn: Bà Dương Nhã T1, sinh năm 1997

Địa chỉ theo đơn khởi kiện: Số nhà B, Khu phố B, Phường H, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

Địa chỉ thường trú: Số nhà G, L, phường A, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Trần Thị H, sinh năm 1970

Địa chỉ: Khu phố C, thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An.

4. Người kháng cáo: Nguyên đơn ông Lê Văn V.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Văn V và trong quá trình tố tụng, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 17/6/2022, ông Lê Văn V có cho bà Dương Nhã T1 vay số tiền 500.000.000 (Năm trăm triệu) đồng, bà T1 có viết Giấy xác nhận nợ ngày 17/6/2022 và mẹ của bà T1 là bà Trần Thị H có ký tên bảo lãnh. Bà H hứa trả đủ tiền sau khi chuyển nhượng nhà đất ở số B, Khu phố B, Phường H, thành phố B. Bà H đã chuyển nhượng nhà đất nêu trên nhưng vẫn không thanh toán cho ông V.

Khi cho bà T1 vay tiền, hai bên có thỏa thuận cho vay với lãi suất 3%/tháng, chỉ thỏa thuận miệng, không có giấy tờ.

Do đó, ông V yêu cầu bà T1 và bà H chịu trách nhiệm liên đới trả cho ông V số tiền 500.000.000 (Năm trăm triệu) đồng và không yêu cầu tính lãi.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Dương Nhã T1 trình bày.

Bà và ông V từng là bạn bè, tuy nhiên hoàn toàn không có sự việc bà vay tiền như ông V trình bày. Chữ ký và chữ viết trong Giấy xác nhận nợ ngày 17/6/2022 không phải là chữ ký và chữ viết của bà. Đối với kết luận giám định đúng chữ ký là của bà nhưng bà vẫn khẳng định không có vay tiền của ông V. Bà không đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông V.

Trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị H trình bày:

Từ trước đến nay bà không có sinh sống ở Bến Tre nên bà không biết việc vay tiền giữa bà T1 với ông V. Bà khẳng định không có ký tên trong Giấy xác nhận nợ ngày 17/6/2022.

Do hòa giải không thành, Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre đã đưa vụ án ra xét xử.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 159/2023/DS-ST ngày 29/9/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre đã áp dụng các Điều 26, 35, 39, 227, 228, 229 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015; các Điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn V. Buộc bị đơn bà Dương Nhã T1 có nghĩa vụ trả cho ông Lê Văn V số tiền 500.000.000 (Năm trăm triệu) đồng.

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn V về việc yêu cầu người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị H chịu trách nhiệm liên đới trả số tiền trên.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng, nghĩa vụ chậm thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 14/10/2023, nguyên đơn ông Lê Văn V kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, nội dung kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà T1 và bà H có nghĩa vụ trả cho ông số tiền 500.000.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn giữ nguyên nội dung kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng, những người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Về nội dung: Kháng cáo của nguyên đơn không có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, không chấp nhận kháng cáo của ông Lê Văn V, giữ nguyên Bản án sơ thẩm số: 159/2023/DS-ST ngày 29/9/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa; kết quả tranh tụng tại phiên tòa; ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên; xét kháng cáo của ông Lê Văn V; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn bà Dương Nhã T1, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị H được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, không có đơn xin giải quyết vắng mặt nên căn cứ khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, cấp phúc thẩm xét xử vắng mặt bà T1, bà H.

[2] Về nội dung:

[2.1] Nguyên đơn ông V căn cứ Giấy xác nhận nợ ngày 17/6/2022 có chữ ký và chữ viết Dương Nhã T1 dưới mục người mượn và chữ ký "Hương" dưới mục người bảo lãnh để yêu cầu bà T1 và bà H chịu trách nhiệm liên đới trả cho ông V số tiền 500.000.000 (Năm trăm triệu) đồng, không yêu cầu tính lãi. Trong quá trình tố tụng, bà T1 và bà H cho rằng các bà không có ký tên trong giấy xác nhận nợ nêu trên nên không đồng ý với yêu cầu của nguyên đơn.

[2.2] Tuy nhiên, tại Kết luận giám định số: 517/2023/KL-KTHS ngày 26/7/2023 thì chữ ký mang tên Dương Nhã T1 dưới mục "người mượn" trên tài liệu cần giám định (ký hiệu A) so với chữ ký mang tên Dương Nhã T1 trên các tài liệu mẫu (ký hiệu M1, M2) do một người ký ra. Từ đó, có đủ cơ sở để xác định bà T1 có vay tiền của ông V và có ký tên vào Giấy xác nhận nợ ngày 17/6/2022. Nội dung Giấy xác nhận nợ ngày 17/6/2022 thể hiện số tiền vay là 500.000.000 đồng. Do đó, cấp sơ thẩm buộc bà T1 trả cho ông V số tiền nợ gốc 500.000.000 đồng là có căn cứ.

[2.3] Trong quá trình tố tụng, bà H không thừa nhận chữ ký trong Giấy xác nhận nợ ngày 17/6/2022 là của bà. Tại biên bản hòa giải, nguyên đơn có yêu cầu

giám định chữ ký của bà H và Tòa án đã ấn định thời hạn nộp đơn yêu cầu giám định cũng như mẫu so sánh, tuy nhiên nguyên đơn không nộp đơn yêu cầu và tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn cũng khẳng định không yêu cầu giám định chữ ký của bà H. Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có yêu cầu thu thập chữ ký của bà H để làm cơ sở giám định chữ ký. Tuy nhiên, xét thấy tại cấp sơ thẩm nguyên đơn đã không thực hiện nghĩa vụ nộp đơn yêu cầu giám định và cung cấp mẫu chữ ký, cũng không yêu cầu Tòa án thu thập chứng cứ trong thời gian được ấn định nên xem như đã từ bỏ quyền yêu cầu. Do đó, cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu này của nguyên đơn.

Như vậy, không có cơ sở kết luận chữ ký H trong trong Giấy xác nhận nợ ngày 17/6/2022 là do bà Trần Thị H ký ra. Từ đó, cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu buộc bà H chịu trách nhiệm liên đơn trả số nợ là phù hợp.

Từ những nhận định trên, cấp sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp, kháng cáo của nguyên đơn không có căn cứ nên không được chấp nhận.

[3] Đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông Lê Văn V phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Không chấp nhận kháng cáo của ông Lê Văn V;

Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số: 159/2023/DS-ST ngày 29/9/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

Áp dụng các Điều 26, 35, 39, 227, 228, 229 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015; các Điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn V. Buộc bị đơn bà Dương Nhã T1 có nghĩa vụ trả cho ông Lê Văn V số tiền 500.000.000 (Năm trăm triệu) đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật

có quy định khác.

[2] Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn V về việc yêu cầu người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị H chịu trách nhiệm liên đới trả số tiền trên.

[3] Về chi phí tố tụng: Buộc bà Dương Nhã T1 phải chịu 1.830.000 (Một triệu tám trăm ba mươi nghìn) đồng. Số tiền này ông Lê Văn V đã nộp tạm ứng xong nên buộc bà Dương Nhã T1 phải có trách nhiệm trả lại cho ông Lê Văn V.

[4] Về án phí:

[4.1] Án phí sơ thẩm:

Buộc bà Dương Nhã T1 phải chịu 24.000.000 (Hai mươi bốn triệu) đồng.

Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bến Tre hoàn lại cho ông Lê Văn V số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 12.000.000 (Mười hai triệu) đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0010125 ngày 19/12/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

[4.2] Án phí phúc thẩm: Buộc ông Lê Văn V phải chịu 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0002100 ngày 19 tháng 10 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bến Tre;
- TAND thành phố Bến Tre;
- Chi cục THADS thành phố Bến Tre;
- Phòng KTNV&THA TAND tỉnh;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Ngọc Dũng